TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2020/HS-ST
Ngày: 28-4-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Thùy Trang**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Thành Thật**.
2. Bà **Vũ Thị Đào**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thùy Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông **Phan Hoài Vinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại Toà án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2020/TLST-HS, ngày 22 tháng 01 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS, ngày 04 tháng 3 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/HSST-QĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ **LÊ VĂN S** – sinh năm 1999 tại Phú Quốc, Kiên Giang.

Nơi cư trú: ấp Ch, xã G, huyện Ph, tỉnh Kiên Giang; giới tính: nam; nghề nghiệp: làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hoá: 4/12. Họ tên cha không xác định; mẹ Lê Thị B, sinh năm 1974; bị cáo có 06 người anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2005, bị cáo là con thứ tư trong gia đình. Bị cáo đang sống như vợ chồng với Dương Thị Ngọc M, sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không.

Lê Văn S bị bắt vào ngày 28/10/2019 và hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Gò Quao.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2/ **TỐNG HOÀNG B** – sinh năm 2000 tại Gò Quao, Kiên Giang.

Nơi cư trú: ấp 11, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; giới tính nam; nghề nghiệp: sửa xe; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hoá: 11/12. Con ông Tống Hoàng A, sinh năm 1982 và bà Hồ Thị L1, sinh năm 1980; bị cáo là con một trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Tống Hoàng B bị bắt vào ngày 29/10/2019 và hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Gò Quao.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

3/ **THÁI CÔNG TR** – sinh năm 1998 tại Gò Quao, Kiên Giang.

Nơi cư trú: ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; giới tính nam; nghề nghiệp: không ổn định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình

độ văn hoá: 5/12. Con ông Thái Văn U, sinh năm 1970 và bà Trần Ngọc C, sinh năm 1970; bị cáo có 03 người anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1992, bị cáo là con út trong gia đình.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 27/10/2016 bị Công an xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc ra quyết định xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đến ngày 18/01/2018 bị Công an xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc ra quyết định xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Hiện tại bị cáo chưa nộp phạt các số tiền trên.

Thái Công Tr bị bắt vào ngày 30/10/2019 và hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Gò Quao.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người bị hại:

- Ông Nguyễn Hoàng L – sinh năm 1993, có mặt.

Nơi cư trú: ấp 1, xã V, huyện G, Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Lê Nhựt Th (tên gọi khác L4) – sinh ngày 06 tháng 6 năm 2004, vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp Ch, xã G, huyện Ph, tỉnh Kiên Giang.

- Bà Lê Thị Mộng T – sinh năm 1982, có đơn xin vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 3, ấp G, xã G, huyện Ph, Kiên Giang.

- Ông Lương Xuân H – sinh năm 1974, có đơn xin vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp G, xã G, huyện Ph, tỉnh Kiên Giang.

- Ông Nguyễn Văn N – sinh năm 1993, có đơn xin vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bà Phù Kim L1 – sinh năm 1979, có đơn xin vắng mặt.

Nơi cư trú: khu phố 4, thị trấn D, huyện Ph, Kiên Giang.

- Ông Phạm Cẩm B – sinh năm 1978, có đơn xin vắng mặt.

Nơi cư trú: khu phố 2, phường Ph, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Bà Dương Thị Ngọc M – sinh năm 2001, vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp Ch, xã G, huyện Ph, tỉnh Kiên Giang.

HKTT: ấp V, xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

- Ông Thái Văn U – sinh năm 1970, có đơn xin vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bà Hồ Thị L2 – sinh năm 1980, có mặt.

Nơi cư trú: ấp 11, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp cho Lê Nhựt Th:

- Bà Lê Thị B – sinh năm 1974, có đơn xin vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp Ch, xã G, huyện Ph, tỉnh Kiên Giang.

Người làm chứng:

Kiều Thị Tr (tên gọi khác Tr1) – sinh năm 1987, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp Ch, xã G, huyện Ph, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 21 giờ, ngày 12/10/2019, Lê Nhựt Th cùng với Lê Văn S, Thái Công Tr và Tống Hoàng B cùng chơi game và bida ở chợ Ba Hồ, sau đó Bảo về

nhà B, còn Th, Tr và S về nhà Tr ngủ. Đến khoảng 23 giờ Th đi bộ ra chợ Ba Hồ mua nước đá, khi quay về ngang tiệm điện thoại Hoàng Luận ở ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang thấy tiệm khóa cửa ngoài không ai trông coi nên Th nảy sinh ý định đột nhập vào tiệm trộm cắp tài sản. Th chui vào trong tiệm qua lổ thông gió, sau đó ngắt dây camera rồi lấy hết điện thoại cảm ứng trong tủ trưng bày bỏ vào bọc ny lông màu đen có sẵn trong tiệm cùng với card điện thoại và tiền mặt trong ngăn tủ. Sau khi lấy tài sản xong Th đi bộ về nhà Tr, trên đường về Th gặp B cả hai cùng đi về nhà Tr. Vào nhà Tr, Th đổ bọc ny lông ra vạc của Tr với rất nhiều điện thoại cảm ứng, tiền mặt và card điện thoại của các nhà mạng khác nhau. Lúc này B và Tr hỏi Th "ở đâu có", Th trả lời "trộm ở tiệm Hoàng Luận", Tr nói "ở đó có camera", Th trả lời "em bẻ camera hết rồi, không sao đâu". Th cho Tr 01 điện thoại Huawei màu xanh và 300.000 đồng tiền mặt, cho B 01 điện thoại Samsung A10 màu đỏ, 300.000 đồng tiền mặt và 200.000 đồng card điện thoại. Vì sợ bị phát hiện, Tr và B kêu S và Th bỏ đi nên Th gọi xe taxi đi Rạch Giá, sau đó đi Hà Tiên đến nhà Phạm Cẩm B. Lúc S và Th bỏ đi thì Tr chở B đi Vị Thanh trộm mai nhưng không có nên cả hai quay về nhà Tr và phát hiện trên vạc của Tr còn sót 02 điện thoại cảm ứng hiệu Oppo, cả hai chia nhau mỗi người lấy 01 cái, B lấy máy Oppo F5 màu đen, Tr lấy máy Oppo K1 màu đỏ. S và Th đến nhà B khoảng 05 giờ sáng ngày 13/10/2019, Sinh lấy tiền Th trộm được trả tiền taxi hết 1.500.000 đồng, Th và S ngủ lại nhà B đến 08 giờ thì S lấy 01 điện thoại Samsung màu xám và gọi taxi ra chợ Hà Tiên bán cho 01 người đàn ông lạ được 1.000.000 đồng, số tiền này S mau 02 bộ đồ hết 750.000 đồng và trả tiền taxi hết 250.000 đồng. Trưa ngày 13/10/2019 Th đưa điện thoại đã trộm cùng 05 card điện thoại Viettel mệnh giá mỗi cái là 50.000 đồng và 500.000 đồng cho S đi Phú Quốc tiêu thụ để gửi tiền qua Hà Tiên cho Th xài, Th chỉ giữ lại 06 điện thoại cảm ứng các loại, khoảng 5 triệu đồng tiền card điện thoại và 600.000 đồng tiền mặt. Khi về đến Phú Quốc, bị cáo Lê Văn S đến tiệm Thái Huy gặp bà Phù Kim L cầm 01 điện thoại Oppo A3S giá 1.300.000 đồng, về đến ngã 4 Cửa Cạn bị cáo S vào tiệm Lan Anh cầm 01 điện thoại Vivo màu đỏ giá 1.500.000 đồng, khi về đến nhà trọ bị cáo S cho vợ là Dương Thị Ngọc M 01 điện thoại Oppo F9 màu đỏ, sau đó Mai đem cầm điện thoại này ở tiệm Lan Anh cho bà Lê Thị Mộng T được 2.500.000 đồng. Bị cáo S đến nhà mẹ ruột là Lê Thị B và cho bà B 03 điện thoại (gồm 01 điện thoại Samsung và 02 điện thoại Oppo), sau đó bà B nhờ chị Kiều Thị Tr trả lại 03 điện thoại trên cho S, bị cáo S đem bán 01 điện thoại Samsung và 01 điện thoại Oppo cho một người đàn ông lạ với giá 3.000.000 đồng, bán 01 điện thoại Oppo cho anh Trần Vĩnh Thái gần nhà được 1.000.000 đồng. Ngày 15/10/2019 bị cáo S đến tiệm điện thoại Đam Tuyền gặp ông Lương Xuân H cầm 03 điện thoại Trung Quốc không nhớ hiệu được 3.100.000 đồng, 01 điện thoại Oppo A37 màu đồng giá 1.000.000 đồng và cầm 03 máy khác không rõ hiệu với giá 3.000.000 đồng. Ngày 16/10/2019 bị cáo S đến tiệm game bắn cá Út Liệt bán 01 điện thoại Samsung cho 01 người đàn ông lạ mặt được 2.000.000 đồng. Ngày 17/10/2019 bị cáo S tiếp tục đến tiệm điện thoại Thái Vũ của ông Trần Văn Th cầm 03 điện thoại Iphone 5S giá 1.700.000 đồng, 01 điện thoại Vivo Y85 màu xanh giá 2.000.000 đồng, 01 điện thoại Samsung màu đồng giá 1.000.000 đồng, 01 điện thoại Oppo giá 1.000.000 đồng và 01 điện thoại Vivo màu đồng giá 1.000.000 đồng. Ngoài ra, khi đi ghe biển bị cáo S đã ném bỏ 01 điện thoại Iphone 5S xuống biển do bị hư nhưng

không xác định được vị trí. Tổng tài sản bị cáo Lê Văn S đã tiêu thụ gồm: tiền Việt Nam 2.000.000 đồng, 250.000 đồng card điện thoại và 23 điện thoại cảm ứng các loại. Sau khi tiêu thụ tài sản bị cáo S gửi cho Thành 9.000.000 đồng (gồm 7.000.000 đồng tiền mặt và nạp card 2.000.000 đồng) thông qua Lê Văn H, Nguyễn Thành H, và Lý Anh T gửi cho Phạm Cẩm B rồi giao lại cho Th, số tiền còn lại bị cáo S tiêu xài cá nhân. Khi bán, cầm và cho điện thoại bị cáo S không có nói rõ nguồn gốc tài sản do trộm cắp mà có và cũng không lấy hợp đồng cầm cố tài sản.

Đối với bị cáo Tr sau khi có được 02 điện thoại do Th trộm, Tr cho B 01 điện thoại Oppo K1 chỉ sử dụng 300.000 đồng cùng 01 điện thoại Huawei cho đến khi bị công an thu giữ.

Đối với bị cáo Tống Hoàng B sử dụng điện thoại Samsung A10 và điện thoại Oppo F5 được vài ngày thì đưa 02 điện thoại cho Nguyễn Nhựt H (tên gọi khác Th) đem đi cầm tại cửa hàng điện thoại Nguyễn N (của ông Nguyễn Văn N) ở xã Định An với giá 2.000.000 đồng. Sau đó tiếp tục giao điện thoại Oppo K1 của Tr đưa cho H đi cầm với giá 1.000.000 đồng. Khi giao điện thoại cho H đi cầm bị cáo B không có nói rõ điện thoại từ đâu mà có. Số tiền cầm 03 điện thoại là 3.000.000 đồng, tiền card 200.000 đồng và tiền mặt 300.000 đồng bị cáo B tiêu xài cá nhân và nạp tiền chơi game hết.

Ngoài ra, khi Lê Nhựt Th ở Hà Tiên có cho Phạm Cẩm B 01 điện thoại cảm ứng không rõ hiệu và giao cho một người tên H1 01 điện thoại cảm ứng để đi sửa. Điện thoại của Bình sử dụng được vài hôm thì bị rơi xuống nước hư nên ông Bình đã ném bỏ không tìm thấy, đối với điện thoại giao cho H1 đem sửa ở tiệm điện thoại nào ở Hà Tiên không xác định và H1 không có mặt ở địa phương nên không xác định được lời khai của Th có đúng sự thật hay không. Bốn điện thoại còn lại Th đem bán ở tiệm điện thoại gần vòng xoay Tô Châu và bán cho một người đàn ông lạ mặt nhưng công an không xác định được tiệm nào. Khi cho và bán điện thoại Thành không nói rõ nguồn gốc điện thoại từ đâu mà có. Số tiền bị cáo S gửi cho Th là 9.000.000 đồng cùng với 5.000.000 đồng tiền card và 600.000 đồng tiền mặt Th đã sử dụng cá nhân hết.

Tài sản bị mất trộm gồm 38 điện thoại di động các loại (đã thu hồi được 07 điện thoại các loại), 3.000.000 đồng tiền mặt và 9.000.000 đồng thẻ cào điện thoại các nhà mạng Viettel, Vinaphone, Mobiphone, Vietnam mobile. Tổng giá trị tài sản bị mất trộm (sau khi trừ các tài sản đã thu giữ được) là 94.260.000 đồng.

* Theo kết luận định giá tài sản số: 21/KL-HĐĐG ngày 20/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang kết luận:

Tài sản đủ cơ sở định giá gồm 15 điện thoại di động các loại còn mới và 03 điện thoại di động đã qua sử dụng có giá trị bằng 47.130.000 đồng.

Tài sản không đủ cơ sở định giá gồm 20 điện thoại di động các loại đã qua sử dụng. Tuy nhiên 20 điện thoại này ông Luận kê giá trị bằng 49.100.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Vào đêm ngày 12/10 rạng sáng này 13/10/2019, Lê Nhựt Th đã một mình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Hoàng L ở cửa hàng điện thoại Hoàng Luận thuộc ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang, gồm: 38 điện thoại di động các loại, tiền mặt là 3.000.000 đồng và thẻ các loại trị giá 9.000.000 đồng. Sau khi trộm số tài sản trên Th đem về nhà bị cáo Thái Công Tr, tại đây Th cho bị cáo Tr và bị cáo Tống Hoàng B mỗi người

01 điện thoại di động cùng 300.000 đồng tiền mặt và bị cáo B thêm 200.000 đồng tiền card, sau đó bị cáo Tr và B phát hiện thêm 02 điện thoại khác. Do sợ bị phát hiện nên bị cáo Tr và B kêu bị cáo S và Th bỏ trốn, bị cáo S và Th kêu taxi đi thành phố Rạch Giá, sau đó tiếp tục đi thành phố Hà Tiên đến nhà ông Phạm Cẩm B, bị cáo S đã tiêu thụ 23 điện thoại đi động các loại do Th trộm bằng cách cầm cố và bán cho nhiều người. Số tiền bị cáo S tiêu thụ tài sản là 23.600.000 đồng đã sử dụng vào việc mua quần áo cho bị cáo S và Th là 1.000.000 đồng, gửi cho Th 9.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính của bị cáo S là 13.600.000 đồng. Bị cáo Tr đã tiêu thụ 01 điện thoại và 300.000 đồng, bị cáo B tiêu thụ 03 điện thoại (đưa cho H đem cầm cố ở tiệm điện thoại Nguyễn N) cùng với số tiền 300.000 đồng và 200.000 đồng card điện thoại.

Vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra công an huyện Gò Quao đã thu giữ được 09 điện thoại các loại, trong đó có 07 điện thoại của tiệm điện thoại Hoàng Luận bị mất trộm hiện đã trao trả cho ông Nguyễn Hoàng L, 01 điện thoại của bị cáo Tr xác định không phải là tài sản bị mất trộm đã trả cho bị cáo Tr, 01 điện thoại của ông Nguyễn Nhựt H cầm ở tiệm điện thoại Nguyễn N hiện ông Nguyễn Văn N đã giao điện thoại này cho gia đình bị cáo B quản lý.

Tại bản Cáo trạng số: 10/CT-VKSND-GQ, ngày 20/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao truy tố bị cáo Lê Văn S, Thái Công Tr và Tống Hoàng B về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Lê Văn S, Thái Công Tr và Tống Hoàng B và thay đổi một phần cáo trạng về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn S từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 và khoản 5 Điều 328 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Thái Công Tr 5 tháng 29 ngày tù, thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam.

Áp dụng khoản khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và khoản 5 Điều 328 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Tống Hoàng B 06 tháng tù, thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 584 và 589 Bộ luật dân sự ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bị cáo Lê Văn S và bị hại Nguyễn Hoàng L về việc bị hại đồng ý giảm bớt cho bị cáo S số tiền 24.220.00 đồng và đồng ý cho bị cáo S bồi thường hết số tiền thiệt hại còn lại bằng 60.000.000 đồng. Đối với bị cáo Tr và bị cáo B đã bồi thường xong nên viện kiểm sát không đề nghị.

Tại thời điểm Lê Nhựt Th (sinh ngày 06/6/2004) thực hiện hành vi trộm cắp tài sản chỉ mới 15 tuổi 04 tháng 06 ngày, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với Nguyễn Nhựt H (Th), Trần Vĩnh Th và Nguyễn Văn H1 không có mặt ở địa phương nên cơ quan điều tra chưa triệu tập làm việc được nên tách riêng và xử lý sau.

Đối với ông Lương Xuân H, bà Lê Thị Mộng T, ông Nguyễn Văn N, Phù Kim L, Phạm Cẩm B, Dương Thị Ngọc M không biết nguồn gốc tài sản do trộm

mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự. Riêng ông Trần Văn Th không thừa nhận bị cáo S có cầm điện thoại cho ông, bị cáo S cũng không cung cấp được hợp đồng cầm cố điện thoại cho ông Trần Văn Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Quao, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa; bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Nhựt Th và Dương Thị Ngọc M vắng mặt hai lần, Lê Thị Mộng T, Lương Xuân H, Nguyễn Văn N, Phù Kim L, Phạm Cẩm B, Thái Văn U và người đại diện hợp pháp cho Lê Nhựt Th là bà Lê Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ.

Đối với người làm chứng vắng mặt không có lý do nhưng không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn S, Thái Công Tr và Tống Hoàng B khai nhận: Các bị cáo biết rõ tài sản mà mình tiêu thụ là do Lê Nhựt Th trộm tại tiệm điện thoại Hoàng Luận của bị hại Nguyễn Hoàng L. Các bị cáo Lê Văn S, Thái Công Tr và Tống Hoàng B thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao truy tố các bị cáo về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", đồng thời các bị cáo đề nghị Tòa xử mức án nhẹ để các bị cáo sớm trở về gia đình làm ăn lương thiện. Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Văn S, Thái Công Tr và Tống Hoàng B phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và nội dung bản cáo trạng số: 10/CT-VKSND-GQ, ngày 20/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao. Sau khi thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa có căn cứ xác định:

[4] Bị cáo Lê Văn S, Thái Công Tr và Tống Hoàng B có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi, các bị cáo biết tài sản mà mình tiêu thụ là do trộm cắp mà có nhưng vì động cơ tham lam tư lợi, mục đích các bị cáo tiêu thụ tài sản nhằm phục vụ cho nhu cầu cá nhân. Hành vi của các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo ý thức được hậu quả hành vi các bị cáo thực hiện nhưng các bị cáo bất chấp hậu quả. Hành vi của các bị cáo Lê Văn S, Thái Công Tr và Tống Hoàng B đã cấu thành tội phạm "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định như sau:

"1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000

đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao truy tố bị cáo Lê Văn S, Thái Công Tr và Tống Hoàng B về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[5] Xét về tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội: Các bị cáo phạm tội với tính chất là đồng phạm giản đơn. Tuy không hứa hẹn hay bàn bạc gì với nhau nhưng các bị cáo đều ý thức rõ tài sản mà mình tiêu thụ là do Lê Nhựt Th trộm cắp mà có. Trong vụ án bị cáo S tiêu thụ tài sản nhiều hơn các bị cáo còn lại nên bị cáo S phải chịu hình phạt nặng hơn các bị cáo khác.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Thái Công Tr có nhân thân xấu, tuy nhiên tại phiên tòa các bị cáo Thái Công Tr, Lê Văn S, và Tống Hoàng B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự.

Bị cáo Thái Công Tr và Tống Hoàng B được gia đình khắc phục hậu quả cho người bị hại. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Văn S, Thái Công Tr và Tống Hoàng B nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự.

[7] Sau khi đã xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan các tình tiết của vụ án, đối chiếu với quy định pháp luật, đề nghị của Viện kiểm sát, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo biết rõ tài sản mình tiêu thụ là do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn thản nhiên tiêu thụ, hành vi của các bị cáo còn ảnh hưởng đến an ninh trật tự ở địa phương và gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là những thanh niên trong độ tuổi lao động nhưng lười lao động lại thường xuyên tụ tập chơi game, sử dụng ma túy đá, trộm cắp tài sản và cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo ý thức được hậu quả của hành vi phạm tội nhưng lại cố tình thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả nên cần phải áp dụng cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Để đáp ứng yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nên cách ly các bị cáo Lê Văn S, Thái Công Tr và Tống Hoàng B khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo học tập, cải tạo trở thành người công dân có ích. Tuy nhiên tài sản bị cáo Tr tiêu thụ không lớn, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ nên chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584 và 589 Bộ luật dân sự và Điều 48 Bộ luật Hình sự ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bị cáo Lê Văn S và bị hại Nguyễn Hoàng L về việc bị hại Nguyễn Hoàng L thống nhất cho bị cáo S tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại với tổng số tiền 60.000.000 đồng.

Đối với điện thoại di động của Nguyễn Nhựt H do H cầm cố ở tiệm điện thoại Nguyễn N, ông Nguyễn Văn N chủ tiệm điện thoại đã tự thỏa thuận trả điện thoại cho gia đình bị cáo B là chưa phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nên ông N phải chịu trách nhiệm bồi thường cho ông H khi ông H có yêu cầu đối với điện thoại này.

Đối với Lê Nhựt Th chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự nên không bị khởi tố hình sự vì vậy Hội đồng xét xử miễn xét.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[10] Về án phí: Bị cáo Lê Văn S, Thái Công Tr và Tống Hoàng B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, mỗi bị cáo là 200.000 đồng. Bị cáo S còn phải chịu án phí DSST có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- **Áp dụng** Điều 323 Bộ Luật Hình sự.

*** Tuyên bố**: Các bị cáo Lê Văn S, Thái Công Tr và Tống Hoàng B phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

- **Áp dụng**: Khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự

- **Xử phạt**: Bị cáo Lê Văn S 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 28/10/2019.

- **Áp dụng**: Khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 và khoản 5 Điều 328 Bộ luật hình sự.

- **Xử phạt**: Bị cáo Thái Công Tr 5 tháng 29 ngày tù. Thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam và trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

- **Áp dụng**: Khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và khoản 5 Điều 328 Bộ luật hình sự.

- **Xử phạt**: Bị cáo Tống Hoàng B 06 tháng tù. Thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam và trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 584 và 589 Bộ luật dân sự và Điều 48 Bộ luật Hình sự ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bị cáo Lê Văn S và bị hại Nguyễn Hoàng L về việc bị hại đồng ý cho bị cáo S bồi thường toàn bộ thiệt hại là 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người bị hại nếu bị cáo Lê Văn S không trả đủ số tiền trên cho người bị hại thì hàng tháng bị cáo Lê Văn S còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

*** Về án phí**: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Lê Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm bằng 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 3.000.000đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Thái Công Tr và Tống Hoàng B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo bằng 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng.

*** Quyền kháng cáo**: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- NLQ;
- Lưu HS.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phan Thị Thùy Trang